

sikkens

Sản phẩm này chỉ dành cho thợ sơn xe chuyên nghiệp về sơn xe sau khi đã tham khảo tài liệu của nhà sản xuất.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Dấu hiệu nhận biết sản phẩm : Autoclear 4:1 Hardener

Mã số MSDS : E80120

Các cách khác để xác định lại lịch : Không có sẵn.

Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Không áp dụng.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp : PT Akzo Nobel Car Refinishes Indonesia
Jalan Raya Pulogadung No. 37
Kawasan Industry Pulogadung
Jakarta 13930
Telpon +62 21 461 0191
Fax +62 21 461 0190
www.sikkensvr.com

Số điện thoại khẩn cấp :

Giờ làm việc : 24 giờ

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm : CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3
ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 5
ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4
ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2
TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A
NHAY DA - Loại 1
ĐỘC TÍNH SINH SẢN (Thai nhi) - Loại 2
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Kích ứng đường hô hấp) - Loại 3
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI (cơ quan thính giác) - Loại 2
HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3
HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo :

Nguy hiểm

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

- Cảnh báo nguy cơ** : Hơi và chất lỏng dễ cháy.
Có hại nếu hít phải.
Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Gây kích ứng da.
Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Bị nghi ngờ làm tổn thương trẻ chưa sinh.
Có thể chết người nếu nuốt phải và đi vào đường thở.
Có thể gây kích ứng hô hấp.
Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.
Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (cơ quan thính giác)
Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
- Các công bố về phòng ngừa**
- Ngăn chặn** : Có được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Mang quần áo bảo hộ. Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở một khu vực được thông khí tốt. Tránh thải ra môi trường. Không hít thở hơi. Rửa tay kỹ lưỡng sau khi xử lý.
- Phản ứng** : Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe. **NEU** bị phơi nhiễm hoặc có quan ngại: Hãy tìm chăm sóc y tế. **NEU HÍT PHẢI**: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe. **NEU NUỐT PHẢI**: Ngay lập tức gọi cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc thầy thuốc. **KHÔNG** cố tạo cho nôn mửa. **NEU BỊ DÍNH VÀO DA** (hoặc tóc): Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Súc rửa bằng nước hoặc vòi phun. **NEU BỊ DÍNH VÀO DA**: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Gọi cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hãy tìm chăm sóc y tế. **NEU BỊ DÍNH VÀO MẮT**: Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và để thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng: Hãy tìm chăm sóc y tế. Trong trường hợp cháy: Dùng hóa chất khô, CO₂, bụi nước hay bọt.
- Lưu trữ** : Cất giữ ở một nơi thông gió tốt. Giữ lạnh.
- Xử lý** : Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không biết chất nào.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	28182-81-2	(C8-H12-N2-O2) _x	≥25 - ≤50
xylene	1330-20-7	C8-H10	≥25 - ≤48
butylacetat	123-86-4	C6-H12-O2	≥10 - ≤25
ethylbenzene	100-41-4	C8-H10	≤10
Solvent naphtha (petroleum), light arom.	64742-95-6	-	≤3
toluen	108-88-3	C7-H8	≤0.3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Tiếp xúc mắt** : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
- Hít phải** : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Tiếp xúc ngoài da** : Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- Nuốt phải** : Nhờ chuyên viên y tế săn sóc ngay. Gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Nguy hiểm khi hít thở, nếu nuốt vào. Có thể xâm nhập vào phổi và làm hư phổi. Không được ép nôn ra. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Có hại nếu hít phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt. Có thể gây kích ứng hô hấp.
- Tiếp xúc ngoài da** : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải** : Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể chết người nếu nuốt phải và đi vào đường thở.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Hít phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
 dị ứng đường hô hấp
 ho
 buồn nôn hay nôn mửa
 đau đầu
 buồn ngủ/mệt mỏi
 chóng mặt/hoa mắt
 bất tỉnh
 trọng lượng bào thai bị giảm
 tăng tỷ lệ chết của bào thai
 các dị tật xương
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
 kích ứng khó chịu
 bị đỏ
 trọng lượng bào thai bị giảm
 tăng tỷ lệ chết của bào thai
 các dị tật xương
- Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
 buồn nôn hay nôn mửa
 trọng lượng bào thai bị giảm
 tăng tỷ lệ chết của bào thai
 các dị tật xương

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng hóa chất khô, CO₂, bụi nước hay bọt.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Dùng dòng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Hơi và chất lỏng dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

- Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
 carbon dioxide
 carbon monoxit
 ôxit nitơ

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa.
- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".
- Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Tránh phơi nhiễm - lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Tránh phơi nhiễm khi có thai. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh thải ra môi trường. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Dùng sử dụng lại bình chứa.

- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ** : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Dùng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
xylene	Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002). STEL: 300 mg/m ³ 15 phút. TWA: 100 mg/m ³ 8 giờ.
butylaxetat	Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002). STEL: 700 mg/m ³ 15 phút. TWA: 500 mg/m ³ 8 giờ.
ethylbenzene	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2017). TWA: 20 ppm 8 giờ.
toluen	Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002). STEL: 300 mg/m ³ 15 phút. TWA: 100 mg/m ³ 8 giờ.

- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.
- Bảo vệ da**
- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng.
- Màu sắc** : Thông tin đặc trưng của sản phẩm
- Mùi** : Đặc tính.
- Ngưỡng về mùi** : Không có sẵn.
- pH** : Có tính axit.
- Điểm nóng chảy** : Không có sẵn.
- Điểm sôi** : 126°C (258.8°F)
- Điểm bùng cháy** : Cốc đáy kín: 24°C (75.2°F)
- Tỷ lệ hóa hơi** : Không có sẵn.
- Khả năng cháy (chất rắn, khí)** : Không có sẵn.
- Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên** : Mức độ lớn nhất được biết: Thấp hơn: 1.4% Trên: 7.6% (butylacetat)
- Áp suất hóa hơi** : Không có sẵn.
- Tỷ trọng hơi** : Trị số cao nhất được biết: 4 (Không khí = 1) (butylacetat). Bình quân gia trọng: 3.81 (Không khí = 1)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Mật độ tương đối	: 0.956
Tính hòa tan	: Không có sẵn.
Hệ số phân chia nước/ Octanol	: Không có sẵn.
Nhiệt độ tự cháy	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
Tính dẻo	: Động lực học (nhiệt độ phòng): 0.08 cm²/s (8 đơn vị cSt) Động lực học (40°C (104°F)): 0.07 cm²/s (7 đơn vị cSt)

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đừng ép, cắt, nới, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa.
Các vật liệu không tương thích	: Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: chất oxy hóa
Sản phẩm phân rã có mối nguy	: Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
Hexamethylene diisocyanate, oligomers xylene butylacetat	LC50 Hít phải	Chuột	18500 mg/m³	1 giờ
	LD50 Đường miệng	Chuột	4300 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	390 ppm	4 giờ
	LD50 Ngoài da	Thỏ	>17600 mg/kg	-
ethylbenzene	LD50 Đường miệng	Chuột	10768 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	>5000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	3500 mg/kg	-
Solvent naphtha (petroleum), light arom. toluen	LD50 Đường miệng	Chuột	8400 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	636 mg/kg	-

Kích ứng/Ăn mòn

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	100 milligrams	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	500 milligrams	-
xylene	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	87 milligrams	-
	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	24 giờ 5 milligrams	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Chuột	-	8 giờ 60 microliters	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams	-
butylacetat	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	100 Percent	-
	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	100 milligrams	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams	-
ethylbenzene	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	500 milligrams	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 15 milligrams	-
Solvent naphtha (petroleum), light arom. toluen	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 100 microliters	-
	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	0.5 phút 100 milligrams	-
	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	870 Micrograms	-
	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	24 giờ 2 milligrams	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Lợn	-	24 giờ 250 microliters	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	435 milligrams	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 20 milligrams	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	500 milligrams	-

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	Loại 3	Không áp dụng.	Kích ứng đường hô hấp
xylene	Loại 3	Không áp dụng.	Kích ứng đường hô hấp
butylaxetat	Loại 3	Không áp dụng.	Các tác dụng gây mê
Solvent naphtha (petroleum), light arom.	Loại 3	Không áp dụng.	Kích ứng đường hô hấp và Các tác dụng gây mê
toluen	Loại 3	Không áp dụng.	Các tác dụng gây mê

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
ethylbenzene	Loại 2	Không xác định	cơ quan thính giác
toluen	Loại 2	Không xác định	Không xác định

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Tên	Kết quả
xylene	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
ethylbenzene	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
Solvent naphtha (petroleum), light arom.	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
toluen	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1

Thông tin về các đường tiếp xúc : Không có sẵn.
xúc có khả năng xảy ra

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Có hại nếu hít phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt. Có thể gây kích ứng hô hấp.
- Tiếp xúc ngoài da** : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải** : Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể chết người nếu nuốt phải và đi vào đường thở.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho
buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- Tiếp xúc ngoài da** : các dị tật xương
: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương
- Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
buồn nôn hay nôn mửa
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
- Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
- Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

- Tổng quát** : Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
- Tính gây ung thư** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Độc tính gây quái thai** : Bị nghi ngờ làm tổn thương trẻ chưa sinh.
- Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Ảnh hưởng khả năng sinh sản** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
Đường miệng	45724.7 mg/kg
Ngoài da	3363.9 mg/kg
Hít vào (các chất hơi)	14.69 mg/l

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
xylene	Cấp tính LC50 8500 µg/l Nước biển	Loài tôm cua - Palaemonetes pugio	48 giờ
butylaxetat	Cấp tính LC50 13400 µg/l Nước ngọt	Cá - Pimephales promelas	96 giờ
	Cấp tính LC50 32 mg/l Nước biển	Loài tôm cua - Artemia salina	48 giờ
ethylbenzene	Cấp tính LC50 62000 µg/l	Cá - Danio rerio	96 giờ
	Cấp tính EC50 4600 µg/l Nước ngọt	Tảo - Pseudokirchneriella subcapitata	72 giờ
	Cấp tính EC50 3600 µg/l Nước ngọt	Tảo - Pseudokirchneriella subcapitata	96 giờ
	Cấp tính EC50 2930 đến 4400 µg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna - Sơ sinh	48 giờ
	Cấp tính LC50 40000 µg/l Nước biển	Loài tôm cua - Cancer magister	48 giờ
	Cấp tính LC50 4200 µg/l Nước ngọt	Ấu trùng dạng Zoea	
		Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	5.54	367.7	thấp
xylene	3.12	8.1 đến 25.9	thấp
butylaxetat	2.3	-	thấp
ethylbenzene	3.6	-	thấp
Solvent naphtha (petroleum), light arom.	-	10 đến 2500	cao
toluen	2.73	90	thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.




XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cắt, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

phần bên trong. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN1263	UN1263	UN1263
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	PAINT RELATED MATERIAL	PAINT RELATED MATERIAL	PAINT RELATED MATERIAL
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	3 	3 	3 
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mối nguy cho môi trường	Không.	No.	No.
Thông tin phụ	-	F-E, _S-E_ -	-

Các biện pháp để phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn : Không có sẵn.
theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC)

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Thông tư số 05/1999/TT-BYT

Tên thành phần nguy hiểm	Loại	Ghi chú
xylene xylene toluen	Loại 2 Loại 2 Loại 2	

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 4

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

FOR PROFESSIONAL USE ONLY

IMPORTANT NOTE The information in this data sheet is not intended to be exhaustive and is based on the present state of our knowledge and on current laws: any person using the product for any purpose other than that specifically recommended in the technical data sheet without first obtaining written confirmation from us as to the suitability of the product for the intended purpose does so at his own risk. It is always the responsibility of the user to take all necessary steps to fulfill the demands set out in the local rules and legislation. Always read the Material Data Sheet and the Technical Data Sheet for this product if available. All advice we give or any statement made about the product by us (whether in this data sheet or otherwise) is correct to the best of our knowledge but we have no control over the quality or the condition of the substrate or the many factors affecting the use and application of the product. Therefore, unless we specifically agree in writing otherwise, we do not accept any liability whatsoever for the performance of the product or for any loss or damage arising out of the use of the product. All products supplied and technical advice given are subject to our standard terms and conditions of sale. You should request a copy of this document and review it carefully. The information contained in this data sheet is subject to modification from time to time in the light of experience and our policy of continuous development. It is the user's responsibility to verify that this data sheet is current prior to using the product.

Brand names mentioned in this data sheet are trademarks of or are licensed to Akzo Nobel.

Head Office

Akzo Nobel Car Refinishes bv, Rijksweg 31 2171 AJ Sassenheim. www.sikkensvr.com